

Số: 39A/TTQH-TNDV

Khánh Hoà, ngày 29 tháng 4 năm 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Kính gửi:

- Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa;
- Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, nhà thầu thi công; các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.

1. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

- Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định xây dựng Khánh Hòa.

- Thành lập theo Quyết định số 1427/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc thành lập Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định xây dựng Khánh Hòa.

- Địa chỉ: số 224 đường 23 tháng 10, phường Tây Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

- Điện thoại: 0258.3820317 Email: ketoan.trungtamquyhoach@gmail.com

2. Thông tin Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

2.1. Phòng thí nghiệm khu vực phía Bắc Khánh Hòa:

- Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: Số 224 đường 23 tháng 10, phường Tây Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Điện thoại: 0258.3820317.

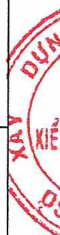
2.2. Phòng thí nghiệm khu vực phía Nam Khánh Hòa:

- Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: Số 89 đường Bùi Thị Xuân, phường Đông Hải, tỉnh Khánh Hòa.

- Điện thoại: 0259.3822505 - 0259.3826207

- Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng tại Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Ghi chú
I	XI MĂNG				
1	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023	- Bộ sàng xi măng; Cân điện tử. (và sử dụng các dụng cụ, thiết bị khác).	<ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Trung Nghĩa; - Tạ Xuân Duy; - Nguyễn Hữu Vũ; - Từ Thị Phương Liên; - Nguyễn Đặng Hiếu. - Nguyễn Công Tú; - Nguyễn Tân Chương; - Nguyễn Khắc Anh; - Huỳnh Văn Thắng. 	
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011	- Máy trộn vữa xi măng E093; Khuôn đúc mẫu xi măng; Máy thử độ bền nén TYE - 300.		
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015	- Máy dẫn tạo mẫu xi măng YGM12168; Kim Vika xi măng E055N.		
4	Xác định độ nở sunfat	TCVN 6068:2020	- Khuôn tạo mẫu; Chày; Đồng hồ; Khay ngâm mẫu		
5	Xác định hàm lượng mất xi măng khi nung	TCVN 141:2023	- Giấy lọc; Hóa chất		
6	Xác định hàm lượng silic Dioxid (SiO_2) và cặn không tan	TCVN 141:2023	- Giấy lọc; Hóa chất		
7	Xác định hàm lượng sắt III Ôxít (Fe_2O_3)	TCVN 141:2023	- Giấy lọc; Hóa chất		
8	Xác định hàm lượng nhôm Ôxít (Al_2O_3)	TCVN 141:2023	- Giấy lọc; Hóa chất		
9	Xác định hàm lượng Canxi Ôxít (CaO)	TCVN 141:2023	- Giấy lọc; Hóa chất		
10	Xác định hàm lượng Magie Ôxít (MgO)	TCVN 141:2023	- Giấy lọc; Hóa chất		
11	Xác định hàm lượng Anhydric Sun furic (SO_3)	TCVN 141:2023	- Giấy lọc; Hóa chất		



TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Ghi chú
12	Xác định hàm lượng clorua (Cl)	TCVN 141:2023	- Giấy lọc; Hóa chất		
II	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG				
13	Phương pháp lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử	TCVN 3105:2022	- Khuôn đúc mẫu bê tông. (và sử dụng các dụng cụ, thiết bị khác).		
14	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022	- Bộ côn thử độ sụt bê tông; Thuốc lá kim loại. Đồ hồ bấm giấy.		
15	Thử độ cứng Vebe	TCVN 3107:2022	- Thiết bị xác định độ cứng Vebe của hỗn hợp bê tông.		
16	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:2022	- Thùng đong bằng kim loại; Thanh đầm; Cân đĩa điện tử.	- Nguyễn Trung Nghĩa;	
17	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:2022	- Bình bơm khí 4 lít có gắn đồng hồ đo áp suất; Bình đựng mẫu tiêu chuẩn; Giấy lọc đường kính D85mm-100g/m ² ; Rây sàng; Ron cao su; Ống đong 10ml/0.2ml; Ca xúc mẫu bằng inox; Khung giá đỡ.	- Tạ Xuân Duy; - Nguyễn Hữu Vũ; - Từ Thị Phương Liên; - Nguyễn Đăng Hiếu. - Nguyễn Công Tú;	
18	Xác định hàm lượng bọt khí vữa	TCVN 3111:2022	- Máy đo hàm lượng bọt khí vữa.	- Nguyễn Tấn Chương;	
19	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:2022	- Cân đĩa điện tử; Bình tràn 650 ml, bằng nhựa trong; Cốc nhựa 200 ml; Ống đong loại 250 ml; vật không thấm nước.	- Nguyễn Khắc Anh; - Huỳnh Văn Thắng.	
20	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022	- Thùng chứa; Dụng cụ đỡ mẫu, giấy thấm hoặc giấy lọc; Cân kỹ thuật điện tử; Đồng hồ bấm giây; Máy cắt làm mát bằng nước; Buồng khí hậu, tủ sấy và bình hút ẩm; Hộp chứa; Thuốc kẹp.		
21	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022	- Khuôn đúc mẫu bê tông; Cân kỹ thuật điện tử.		

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Ghi chú
22	Xác định độ chống thấm	TCVN 3116:2022	- Máy thử độ chống thấm; khuôn đúc mẫu; bàn chải sắt.		
23	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022	- Máy nén; đệm truyền tải; thước đo; thước góc; đồng hồ đo thời gian.		
24	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022	- Máy nén; đệm truyền tải; thước đo.		
25	Xác định giới hạn chịu kéo dọc trục khi bẻ	TCVN 3120:2022	- Máy nén; gối truyền tải; tấm đệm bằng gỗ.		
26	Xác định cường độ lãng trụ, mô đun đàn hồi và hệ số POISSON.	TCVN 5726:2022	- Khung đo biến dạng; biến dạng kế dạng đồng hồ; Máy nén; thước đo.		
27	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:2022	- Cân; Thước kẹp; Cát mài; Máy mài		
28	Xác định thời gian đông kết của bê tông	TCVN 9338:2012	- Nhiệt kế; Que chọc; Sàng; Khuôn chứa mẫu thử		
III	THỬ CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA				
29	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006	- Cân kỹ thuật; bộ sàng tiêu chuẩn; máy lắc sàng; tủ sấy.	- Nguyễn Trung Nghĩa; - Tạ Xuân Duy;	
30	Xác định thành phần thạch học	TCVN 7572-3:2006	- Cân kỹ thuật; bộ sàng; kính hiển vi có độ phóng đại từ 10 lần đến 50 lần; kính hiển vi phân cực có độ phóng đại đến 1 350 lần; kính lúp; thanh nam châm; thuốc thử dùng để xác định thành phần khoáng; que thủy tinh nhỏ.	- Nguyễn Hữu Vũ; - Từ Thị Phương Liên; - Nguyễn Đăng Hiếu. - Nguyễn Công Tú;	
31	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006	- Cân kỹ thuật; tủ sấy; bình dung tích; thùng ngâm mẫu; khăn thấm nước mềm và khô; khay chứa bằng vật liệu không gỉ; côn thử độ sụt của cốt liệu bằng thép không gỉ; phễu chứa;	- Nguyễn Tấn Chương; - Nguyễn Khắc Anh; - Huỳnh Văn Thắng.	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Ghi chú
			bộ sàn; bình hút ẩm; que chọc kim loại.		
32	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006	- Cân kỹ thuật; Cân thủy tĩnh; giỏ đựng mẫu; Thùng ngâm mẫu; Khăn thấm nước mềm và khô; thước kẹp; Bàn chải sắt; Tủ sấy.		
33	Xác định khối lượng thể tích, độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006	- Thùng đong bằng kim loại; cân kỹ thuật; phễu chứa vật liệu; bộ sàng tiêu chuẩn; tủ sấy; thước lá kim loại; thanh gỗ thẳng.		
34	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006	- Cân kỹ thuật; tủ sấy; dụng cụ đảo mẫu (thìa hoặc dao).		
35	Xác định hàm lượng bụi bùn sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006	- Cân kỹ thuật; tủ sấy; thùng rửa cốt liệu; đồng hồ bấm giây; tấm kính hoặc tấm kim loại phẳng; que hoặc kim sắt nhỏ.		
36	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006	- Ống dung tích hình trụ bằng thủy tinh; cân kỹ thuật; bếp cách thủy; sàng có kích thước lỗ 20 mm; thang màu; thuốc thử: NaOH dung dịch 3%; tananh dung dịch 2%; rượu êtylic dung dịch 1 %.		
37	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006	- Máy nén thủy lực; máy khoan và máy cưa đá; máy mài nước; thước kẹp; thùng hoặc chậu để ngâm mẫu.		
38	Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006	- Máy nén thủy; xi lanh bằng thép, cân kỹ thuật; bộ sàng; tủ sấy; thùng ngâm mẫu.		
39	Xác định độ hao mài mòn	TCVN 7572-12:2006	- Máy Los Angeles; bi thép, cân kỹ thuật; bộ		

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Ghi chú
	khí va đập của cốt liệu lớn		sàng, tủ sấy.		
40	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006	- Cân kỹ thuật; thước kẹp cải tiến; bộ sàng tiêu chuẩn; tủ sấy.		
41	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006	- Cân kỹ thuật; tủ sấy; bộ sàng; kim sắt và kim nhôm; búa con.		
42	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006	- Cân kỹ thuật, kính lúp.		
43	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006	- Cân phân tích; tủ sấy; bộ sàng; giấy nhám; đĩa thủy tinh.		
44	Xác định hệ số ES	TCVN 14134-5:2024	- Ống hình trụ chia độ bằng nhựa, nút cao su, ống phun tia nước, đế nặng và xi phông, dung dịch canxi clorua.		
IV	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT				
45	Xác định khối lượng riêng	TCVN 4195:2012	- Nước cất; Dầu hoả; Cân kỹ thuật; Bình tỷ trọng; Cối sứ và chày sứ; Rây có lưới; Bếp cát; Tủ sấy; Bơm chân không; Tỷ trọng kế; Phễu nhỏ; Thiết bị ổn nhiệt; Cốc nhỏ hoặc hộp nhôm có nắp.	- Nguyễn Trung Nghĩa; - Tạ Xuân Duy; - Nguyễn Hữu Vũ;	
46	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012	- Tủ sấy; Cân kỹ thuật; Bình hút ẩm có Canxi clorua; Cốc nhỏ; Rây có đường kính lỗ 1 mm; Cối sứ và chày sứ có đầu bọc cao su; Khay men.	- Từ Thị Phụng Liên; - Nguyễn Đặng Hiếu. - Nguyễn Công Tú;	
47	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012	- Rây với kích thước lỗ 1 mm; Cối sứ và chày; Bình thủy tinh có nắp; - Cân kỹ thuật; Cốc nhỏ bằng thủy tinh; Tủ sấy; Bát sắt tráng men; Dao để nhào trộn.	- Nguyễn Tấn Chương; - Nguyễn Khắc Anh; - Huỳnh Văn Thắng.	
48	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014	- Bộ sàng; Cân kỹ thuật; Tủ sấy; Máy sàng lắc; Nhiệt kế; Bình hút ẩm có		

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Ghi chú
			chất hút ẩm silicagel khan; Thiết bị nghiền đất: cối và chày sứ; Khay đựng đất; bát men hoặc sứ; Các dụng cụ khác như: xẻng, muôi, bát, bàn chải cứng, bàn chải mềm, chày hoặc con lăn bằng gỗ; Nước sạch; Bình phun tia; Dụng cụ để thí nghiệm xác định độ ẩm.		
49	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 12790:2020	- Cối đầm, búa và cần dẫn búa; cân kỹ thuật; sàng có lỗ 5 mm; bình phun nước; tủ sấy; bình hút ẩm có Canxi clorua; hộp nhôm; dao gạt đất; khay để trộn đất; vải để phủ đất; vỏ để đập vỡ đất cục; cối sứ và chày bọc cao su để nghiền đất.		
50	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 4202:2012	- Dao vòng; thước cặp; dao cắt; cân kỹ thuật; các tấm kính; dụng cụ để xác định độ ẩm: hộp nhôm; tủ sấy; bình hút ẩm.		
51	Thí nghiệm sức chịu tải của đất CBR trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020	- Máy nén; đồng hồ đo biến dạng; cối (khuôn) CBR; tấm đệm; chày đầm; dụng cụ đo độ trương nở; tấm gia tải; bể ngâm mẫu; tủ sấy; cân kỹ thuật; sàng; dụng cụ tháo mẫu; Các dụng cụ khác: giấy lọc, hộp đựng mẫu ẩm, chảo trộn, muôi xúc, thanh thép cạnh thẳng để hoàn thiện bề mặt mẫu.		
53	Xác định hệ số thấm K	TCVN 8723:2012	- Dao vòng chứa mẫu đất thí nghiệm; thiết bị thí nghiệm thấm đầu nước thay đổi (hộp thấm); thiết bị và dụng cụ xác định độ ẩm của đất; thiết bị, dụng cụ xác định khối lượng thể tích đất kết cấu nguyên trạng; Dụng cụ để nghiền		



TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Ghi chú
			rời đất kết cấu bị phá huỷ: tấm cao su; chày gỗ; cối bằng sứ; sàng; nhiệt kế; Đồng hồ bấm giây; thước cặp; cân kỹ thuật; nước cất; dao cắt đất; dao gạt phẳng, khay đựng đất, muối xúc đất.		
54	Đất, đá dăm dung trọng công trình giao thông - đầm nén PROCTOR.	TCVN 12790:2020	- Cối Proctor; cân kỹ thuật; dao gạt đất; bộ sàn; cùn đốt; ống đong nước.		
V	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG				
55	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai	TCVN 12791:2020	- Dao đai, cối Proctor; cân kỹ thuật; dao gạt đất; bộ sàn; cùn đốt; ống đong nước.		
56	Độ ẩm; khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	TCVN 8729: 2012	- Bộ phễu rót cát; Cát chuẩn; Cân; Tủ sấy; Sàng; Các loại dụng cụ khác	- Nguyễn Trung Nghĩa; - Tạ Xuân Duy; - Nguyễn Hữu Vũ;	
57	Xác định độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước dài 3m	TCVN 8864:2011	- Thước thẳng; Con nôm; Chổi để quét sạch mặt đường, dụng cụ hướng dẫn giao thông (biển báo, côn dẫn hướng, ...)	- Từ Thị Phụng Liên; - Nguyễn Đặng Hiếu. - Nguyễn Công Tú;	
58	Phương pháp thử nghiệm xác định modul đàn hồi "E" bằng tấm ép lớn	TCVN 8861:2011	- Hệ thống chất tải; Kích thủy lực; Đồng hồ đo biến dạng; Giá đỡ đồng hồ đo biến dạng; Cát khô, sạch; Thước ni vô	- Nguyễn Tân Chương; - Nguyễn Khắc Anh; - Huỳnh Văn Thắng.	
59	Xác định modul đàn hồi theo độ võng đàn hồi dưới bánh xe bằng cần Benkelman	TCVN 8867:2011	- Cần đo võng Benkelman; Xe đo võng; Vật chất tải		

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Ghi chú
60	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011	- Cát tiêu chuẩn; Ống đong cát thể tích 25cm ³ ; Bàn xoa		
61	Cọc – Phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012	- Hệ gia tải gồm kích, bơm và hệ thống thủy lực; Tấm đệm đầu cọc và đầu kích bằng thép bản; Hệ đo đặc quan trắc; Đồng hồ đo áp lực		
62	Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9335:2012	- Máy đo siêu âm; Súng bật nảy		
63	Xác định cường độ bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012	- Súng bật nảy		
65	Phương pháp điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cột thép trong bê tông	TCVN 9356:2012	- Máy đo		
66	Kiểm tra không phá hủy - Xác định vết nứt của bê tông bằng kính lúp	TCVN 5879:2009	- Kính phóng đại dành cho việc kiểm tra các bề mặt bên trong		
67	Xác định khả năng chịu tải và khả năng chống thấm của công tròn	TCVN 9113:2012			
68	Xác định khả	TCVN	- Máy nén thủy lực; Kính		

NH
ÂM
H VÀ
Y DỰN
ĐA
TỌ

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Ghi chú
	năng chịu tải và khả năng chống thấm của rãnh kỹ thuật và mương dẫn nước nội đồng	6394:2014	lúp; Tấm lót cao su; Tấm ép cứng		
69	Bó via bê tông đúc sẵn	TCVN 10797:2015	- Khuôn đúc mẫu bê tông; máy nén thủy lực		
70	Xác định khả năng chịu tải và khả năng chống thấm của Cống hộp bê tông cốt thép	TCVN 9116:2012			
71	Quan trắc chuyển vị ngang nhà và công trình	TCVN 9399:2012	- Máy toàn đạc		
72	Đo lún công trình	TCVN 9360:2012	- Máy toàn đạc		
73	Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012	- Thiết bị đo điện trở		
74	Đất xây dựng - Phương pháp thí nghiệm hiện trường - Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2022	- Viên bi; Mũi xuyên; Bộ búa; Bộ gập; Quả tạ; Đe		
75	Xác định độ thấm nước của đất bằng phương pháp đổ nước hố đào, hố khoan	TCVN 8731:2024	- Thước đo; Van điều chỉnh; Quai liên kết; Vòm ôm ống đo		
VI	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG				
77	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022	- Cân kỹ thuật có độ chính xác tới 1 gam; thước kẹp có độ chính xác tới 0,1mm	- Nguyễn Trung Nghĩa; - Tạ Xuân Duy;	
78	Xác định khối	TCVN 3121-	- Cân kỹ thuật có độ chính	- Nguyễn Hữu	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Ghi chú
	lượng thể tích của vữa tươi	6:2022	xác tới 1 gam; Bình đong bằng kim loại không gỉ, có thể tích 1 lít, đường kính trong bằng 113 mm	Vũ; - Từ Thị Phương Liên; - Nguyễn Đặng Hiếu.	
79	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2022	- Máy hút chân không, đồng hồ đo áp lực chân không, bình chứa 1 lít	- Nguyễn Công Tú; - Nguyễn Tấn Chương;	
80	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:2022	- Khuôn đúc mẫu vữa; Chày đầm mẫu; Máy nén thủy lực	- Nguyễn Khắc Anh; - Huỳnh Văn Thắng.	
81	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022	- Bộ sàng; Cân; Tủ sấy		
83	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:2022	- Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1 gam; Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh và ổn định nhiệt độ; Thùng ngâm mẫu.		
VII	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH ĐÁT SÉT NUNG				
84	Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009	- Thước đo	- Nguyễn Trung Nghĩa; - Tạ Xuân Duy; - Nguyễn Hữu Vũ;	
85	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:2009	- Máy nén thủy lực; máy cắt mẫu; thước đo	- Từ Thị Phương Liên;	
86	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009	- Máy thử uốn; thước đo	- Nguyễn Đặng Hiếu. - Nguyễn Công Tú;	
87	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009	- Tủ sấy tới 200oC; Cân kỹ thuật; Bể ngâm mẫu	- Nguyễn Tấn Chương;	
88	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009	- Tủ sấy tới 200oC; Cân kỹ thuật; thước đo	- Nguyễn Khắc Anh;	
89	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009	- Thùng chứa mẫu; Cân kỹ thuật	- Huỳnh Văn Thắng.	
VIII	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG				
90	Xác định độ thấm nước	TCVN 6477:2016	- Thước lá; thước lá	- Nguyễn Trung Nghĩa;	

XÂY

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Ghi chú
91	Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:2016	- Thước đo	- Tạ Xuân Duy; - Nguyễn Hữu Vũ; - Từ Thị Phương Liên;	
92	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6477:2016	- Thước lá thép có vạch chia đến 1 mm; Máy nén	- Nguyễn Đăng Hiếu.	
93	Xác định độ rỗng	TCVN 6477:2016	- Cân kỹ thuật; thước đo; cát khô	- Nguyễn Công Tú;	
94	Xác định độ hút nước	TCVN 6477:2016	- Máy thử độ thấm	- Nguyễn Tấn Chương; - Nguyễn Khắc Anh; - Huỳnh Văn Thắng.	
IX	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN				
95	Xác định độ mài mòn	TCVN 6476:1999	- Thước lá; tấm kính; máy nén; bay; chảo	- Nguyễn Trung Nghĩa;	
96	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476:1999	- Thước đo	- Tạ Xuân Duy; - Nguyễn Hữu Vũ; - Từ Thị Phương Liên;	
97	Xác định cường độ nén	TCVN 6476:1999	- Thước lá thép có vạch chia đến 1 mm; Máy nén	- Nguyễn Đăng Hiếu.	
98	Xác định độ hút nước	TCVN 6476:1999	- Tủ sấy tới 200oC; Cân kỹ thuật; Thùng chứa mẫu	- Nguyễn Công Tú; - Nguyễn Tấn Chương; - Nguyễn Khắc Anh; - Huỳnh Văn Thắng.	
X	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XI MĂNG LÁT NỀN; GẠCH LÁT GRANITO				
99	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6065:1995	Thước đo	- Nguyễn Trung Nghĩa; - Tạ Xuân Duy; - Nguyễn Hữu Vũ;	
100	Xác định tải trọng uốn gãy toàn viên	TCVN 6065:1995	Thước lá kim loại; Máy thử uốn	- Từ Thị Phương	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Ghi chú
101	Kiểm tra khuyết tật ngoại quan; độ mài mòn lớp mặt; độ chịu lực xung kích và độ cứng lớp mặt.	TCVN 6074 : 1995	Thước đo, thước cặp kim loại, chính xác đến 0,01mm; Cân kỹ thuật, chính xác đến 0,1g; Tủ sấy; Máy mài; vật liệu mài	Liên; - Nguyễn Đăng Hiếu. - Nguyễn Công Tú; - Nguyễn Tấn Chương; - Nguyễn Khắc Anh; - Huỳnh Văn Thắng.	
X	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ NGÓI LỘP				
102	Xác định tải trọng uốn gãy	TCVN 4313:2023	Bộ phận gia tải; Bộ gối dưới; Gối trên; Bộ đệm dưới; Đệm trên	- Nguyễn Trung Nghĩa; - Tạ Xuân Duy;	
103	Độ hút nước	TCVN 4313:2023	Bể nước; Tủ sấy đối lưu; Cân; Thước	- Nguyễn Hữu Vũ;	
104	Xác định thời gian xuyên nước	TCVN 4313:2023	Khung; miếng đệm	- Từ Thị Phương Liên; - Nguyễn Đăng Hiếu.	
105	Xác định khối lượng 1m ² ngói bão hòa nước	TCVN 4313:2023	Bể nước; Tủ sấy đối lưu; Cân; Thước	- Nguyễn Công Tú; - Nguyễn Tấn Chương; - Nguyễn Khắc Anh; - Huỳnh Văn Thắng.	
XI	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ THÉP XÂY DỰNG				
106	Thử kéo	TCVN 197-1:2014	- Máy thủy lực hiệu YINGJUNGWE1000; Thước kẹp.	- Nguyễn Trung Nghĩa; - Tạ Xuân Duy;	
107	Thử uốn	TCVN 198:2008	- Máy thủy lực hiệu YINGJUNGWE1000; Thước kẹp.	- Nguyễn Hữu Vũ; - Từ Thị Phương Liên;	
108	Thử kéo mỗi hàn kim loại	TCVN 5403:2010	- Máy thủy lực hiệu YINGJUNGWE1000; Thước kẹp.	- Nguyễn Đăng Hiếu.	
109	Thử kéo Bulong, vít,	TCVN 1916-1995	- Máy thủy lực hiệu YINGJUNGWE1000;	- Nguyễn Công Tú;	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Ghi chú
	vít cây và đai ốc		Thuốc kẹp.	- Nguyễn Tấn Chương;	
110	Kiểm tra chất lượng mối hàn – Thử uốn	TCVN 5401:2010	- Thuốc kẹp; thuốc lá; Máy gia công nhiệt, Cưa; Mài	- Nguyễn Khắc Anh;	
111	Kiểm tra chất lượng hàn ống – Thử nén dẹt	TCVN 5402:2010	- Thuốc kẹp; thuốc lá; Máy gia công nhiệt, Cưa; Mài	- Huỳnh Văn Thắng.	
112	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403:2010	- Máy kéo; Thuốc kẹp; thuốc lá;		
XII	BÊ TÔNG NHỰA				
113	Thiết kế thành phần tỷ phối bê tông nhựa	TCVN 8820-2011	- Máy nén, Máy đầm Marshall; Máy ly tâm; Bộ thiết bị hút chân không và bình chứa mẫu; Dụng cụ xác định tỷ trọng của cốt liệu thô, cốt liệu mịn; Bộ sàng lưới thép mắt vuông; Dụng cụ xác định giới hạn chảy, giới hạn dẻo; Dụng cụ xác định chỉ tiêu cát tương đương ES; Máy khoan mẫu; Các dụng cụ khác: cân kỹ thuật, tủ sấy, nhiệt kế; các dụng cụ để lấy mẫu, chia mẫu, xúc mẫu, khay 1l đựng mẫu, chảo trộn	- Nguyễn Trung Nghĩa;	
114	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011	- Máy nén Marshall; thiết bị đo lực; Đồng hồ đo biến dạng; Bộ khuôn đúc mẫu; Búa đầm bằng kim loại;; Dụng cụ tháo mẫu; Thiết bị trộn BTN; Thiết bị gia nhiệt; Bể ổn nhiệt; Cân kỹ thuật; Thuốc kẹp	- Tạ Xuân Duy;	
115	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy ly tâm	TCVN 8860-2:2011	- Máy quay ly tâm; Giấy lọc; Tủ sấy; Bếp điện; Lò nung; Khay đựng mẫu; Cân kỹ thuật; Ống đong; Bình hút âm; Các dụng cụ phụ trợ: chổi lông, dao trộn, kim, găng tay và khẩu trang phòng độc...	- Nguyễn Hữu Vũ;	
				- Nguyễn Đăng Hiếu.	
				- Nguyễn Công Tú;	
				- Nguyễn Tấn Chương;	
				- Nguyễn Khắc Anh;	
				- Huỳnh Văn Thắng.	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Ghi chú
116	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011	- Sử dụng bộ sàng mắt vuông; Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ đảm bảo nhiệt độ sấy ổn định; Cân kỹ thuật; Máy lắc sàng		
117	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011	- Bình đựng mẫu; Cân; Máy hút chân không; Bình lọc hơi nước; Nhiệt kế; Tủ sấy.		
118	Xác định tỉ trọng khối, khối lượng thể tích cả bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011	- Cân; Bể nước; Tủ sấy; Nhiệt kế		
119	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011	- Tủ sấy có thông gió; Rọ đựng mẫu; Cân; Dụng cụ trộn		
120	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011	- Ống đong; Phễu; Giá đỡ; Tấm kính; Dao gạt bằng thép; Cân		
121	Xác định độ hệ số độ lu lèn	TCVN 8860-8:2011	- Cân; Nhiệt kế; Rọ đựng mẫu; Các dụng cụ phụ trợ: chổi lông, dao trộn, kìm, găng tay và khẩu trang phòng độc...		
122	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011	- Cân; Khay; Các dụng cụ phụ trợ: chổi lông, dao trộn, kìm, găng tay và khẩu trang phòng độc...		
123	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011	- Cân; Khay; Các dụng cụ phụ trợ: chổi lông, dao trộn, kìm, găng tay và khẩu trang phòng độc...		
124	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011	- Cân; Khay; Các dụng cụ phụ trợ: chổi lông, dao trộn, kìm, găng tay và khẩu trang phòng độc...		
125	Xác định độ ổn định của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011	- Bể ổn nhiệt; Cân; Khay; Các dụng cụ phụ trợ: chổi lông, dao trộn, kìm, găng		

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Ghi chú
			tay và khẩu trang phòng độc...		
XIII	THỬ NGHIỆM NHỰA BITUM				
126	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005	- Thiết bị xuyên kim; Cốc đựng mẫu; Bể ổn nhiệt; Đồng hồ đo thời gian; Nhiệt kế	- Nguyễn Trung Nghĩa; - Tạ Xuân Duy; - Nguyễn Hữu Vũ; - Từ Thị Phụng Liên; - Nguyễn Đăng Hiếu. - Nguyễn Công Tú; - Nguyễn Tấn Chương; - Nguyễn Khắc Anh; - Huỳnh Văn Thắng.	
127	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005	- Khuôn; Bể ổn nhiệt; Nhiệt kế		
128	Xác định độ hoá mềm (phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005	- Vòng; Tấm lót; Bi; Vòng dẫn hướng; Bình; Khung treo; Nhiệt kế		
129	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:2005	- Thiết bị cốc hở; Dụng cụ đo nhiệt độ; Ngọn lửa thử		
130	Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng ở 163 0C trong 5h	TCVN 7499:2005	- Nhiệt kế; Cốc đựng mẫu; Tủ sấy; Giá quay		
131	Xác định độ nhớt động học và độ nhớt tuyệt đối	TCVN 7502:2005; TCVN 8818-5:2011	- Nhớt kế; Nhiệt kế; Bể; Dụng cụ đo thời gian; Các dụng cụ điện tử đo thời gian		
132	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:2005	- Tỷ trọng kế; Bể ổn nhiệt; Nhiệt kế; Vật liệu; Nước		
133	Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504:2005	- Dây buộc; Bình thủy tinh; Nước cất; Bếp đun; Nhiệt kế		
134	Xác định hàm lượng Paraphin	TCVN 7503:2005	- Tủ sấy; Nhiệt kế; Bình chung cất; Vòng kim loại bảo vệ; Ống nghiệm; Bình Erlenmeyer; Bình lọc; Chai rửa thủy tinh; Bể làm lạnh; Phễu; Cân; Bình hút ẩm; Nồi sủ; Dụng cụ đo thời gian; Kẹp; Giấy lọc tròn		
135	Xác định lượng hoà tan trong Trichloroethylene	TCVN 7500:2023	- Bộ thiết bị lọc; Cốc Gooch; Lưới sợi thủy tinh; Bình lọc; Ống lọc; Ống cao su hoặc bộ gá; Bình Erlenmeyer; Tủ sấy; Nhiệt kế; Cân; Bể ổn nhiệt		

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Ghi chú
136	Xác định độ đàn hồi	TCVN11194:2017	- Khuôn; Kéo cắt mẫu; Dụng cụ gia nhiệt; Cốc chứa mẫu; Bể ổn nhiệt		
137	Xác định độ ổn định lưu trữ	TCVN 11195:2017	- Ống nhôm; Tủ sấy; Thiết bị làm lạnh; Giá đỡ; Dao cắt và búa; Cân		
138	Thí nghiệm độ tổn thất khối lượng TFOT	22 ASTM 1754	- Tủ sấy; Khay mẫu; Cân		
139	Xác định hàm lượng chất thu được khi chưng cất	TCVN 8818-4:2011	- Máy đo độ kim lún; Đồng hồ bấm giây; Nhiệt kế; Hộp nhôm		
XIV	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH TERRAZZO				
140	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 7744:2013	- Thước; Thước nivô; Thước lá	- Nguyễn Trung Nghĩa; - Tạ Xuân Duy; - Nguyễn Hữu Vũ;	
141	Xác định cường độ nén	TCVN 7744:2013	- Thước; Thước nivô; Thước lá; Máy thủy lực hiệu YING JUNG-WE 1000B	- Từ Thị Phương Liên; - Nguyễn Đăng Hiếu.	
142	Xác định độ hút nước	TCVN 7744:2013	- Tủ sấy; Cân; Khăn ẩm; Thùng chứa nước; Sáp; Bàn chải; Nước sạch	- Nguyễn Công Tú;	
143	Xác định độ mài mòn	TCVN 7744:2013	- Thiết bị mài; Dụng cụ đo; Kính lúp; Bút chì; Vật liệu mài	- Nguyễn Tấn Chương; - Nguyễn Khắc Anh;	
144	Chiều dày lớp mặt	TCVN 7744:2013	- Thước kẹp, Thước lá	- Huỳnh Văn Thắng.	
XV	NƯỚC CHO BÊ TÔNG				
145	Xác định lượng cặn không tan	TCVN 4560:1988	- Tủ sấy; Lò nung; Bình hút ẩm; Phễu lọc; Giấy lọc không tro	- Nguyễn Trung Nghĩa; - Tạ Xuân Duy;	
146	Xác định độ pH	TCVN 6492:2011	- Bình mẫu; Thiết bị đo nhiệt độ; Nhiệt kế; Bộ cảm biến nhiệt độ	- Nguyễn Hữu Vũ; - Từ Thị Phương Liên;	
147	Xác định hàm lượng muối hoà tan	TCVN4506:2012	- Tủ sấy; Lò nung; Bình hút ẩm; Phễu lọc; Giấy lọc không tro; Chén sứ	- Nguyễn Đăng Hiếu.	

NG
 11/5/11

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Ghi chú
148	Xác định hàm lượng ion Sunfat (SO ₄ ⁻)	TCVN 6200:1996	- Bình mẫu; Phễu lọc; Bình hút ẩm; Cân; Bát	- Nguyễn Công Tú; - Nguyễn Tấn Chương;	
149	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 4565:1988	- Bình nón; bình cầu; ống sinh hàn hồi lưu	- Nguyễn Khắc Anh;	
150	Xác định hàm lượng ion Clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	- Bình mẫu; Phễu lọc; Bình hút ẩm; Cân; Bát	- Huỳnh Văn Thắng.	
XVI	BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA				
151	Hình dáng bên ngoài	22 TCN 58:1984	- Kính lúp; Thùng đựng		
152	Xác định thành phần hạt	TCVN 12884:2020	- Bộ sàng; Cân; Bát sứ; Bình đựng nước; Bình hút ẩm		
153	Lượng mất khi nung	22 TCN 58:1984	- Cân; Chén sứ; Tủ sấy; Lò nung; Bình hút ẩm		
154	Xác định khối lượng riêng	22 TCN 58:1984	- Bình tỷ trọng; Cân; Máy hút chân không; Bình để rửa; Nhiệt kế; Tủ sấy; Sàng; Bát sứ; Bình hút ẩm; Dầu hỏa	- Nguyễn Trung Nghĩa; - Tạ Xuân Duy; - Nguyễn Hữu Vũ;	
155	Xác định khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất	22 TCN 58:1984	- Máy hút chân không; Bình tỷ trọng; Bình để rửa; Tủ sấy; Cân; Sàng; Bát sứ; Bình hút ẩm	- Từ Thị Phương Liên; - Nguyễn Đặng Hiếu.	
156	Hệ số háo nước	TCVN 12884:2020	- Hộp nhôm; Tủ sấy; Cân	- Nguyễn Công Tú;	
157	Xác định hàm lượng chất hoà tan trong nước	22 TCN 58:1984	- Hộp nhôm; Tủ sấy; Cân	- Nguyễn Tấn Chương; - Nguyễn Khắc Anh;	
158	Xác định khối lượng riêng của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	22 TCN 58:1984	- Máy hút chân không; Bình tỷ trọng; Bình để rửa; Tủ sấy; Cân; Sàng; Bát sứ; Bình hút ẩm	- Huỳnh Văn Thắng.	
159	Xác định thể tích và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	22 TCN 58:1984	- Máy hút chân không; Bình tỷ trọng; Bình để rửa; Tủ sấy; Cân; Sàng; Bát sứ; Bình hút ẩm		
160	Độ trương nở	22 TCN	- Chậu đựng nước; Máy		

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Ghi chú
	thể tích của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	58:1984	hút chân không; Cân; Nhiệt kế		
161	Chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	22 TCN 58:1984	- Dụng cụ Vi ca; Bát sắt; Bát sứ;;Dầu AK 15; Dao thép		
XVII	CƠ LÝ BENTONITE				
162	Xác định khối lượng riêng	TCVN 11893:2017	- Hộp cân, Quả cân, Thang chia độ, Bàu chứa bentonite, Nắp đậy		
163	Độ nhớt	TCVN 11893:2017	- Phễu Marsh, Cốc có vạch chia mức, Đồng hồ bấm giờ, Nhiệt kế thang đo 0°C đến 105 °C có độ chính xác 1 °C	- Nguyễn Trung Nghĩa;	
164	Hàm lượng cát	TCVN 11893:2017	- Sàng có kích thước mắt lưới 75 µm, Phễu côn vừa với sàng và bình đo bằng thủy tinh, Bình đo bằng thủy tinh có chia vạch từ 0 % đến 20 % theo thể tích	- Tạ Xuân Duy; - Nguyễn Hữu Vũ; - Từ Thị Phương Liên;	
165	Tỷ lệ chất keo	TCVN 11893:2017	- Ống đong 1000 mL	- Nguyễn Đăng Hiếu.	
166	Lượng mất nước	TCVN 11893:2017	- Cốc đựng có chia vạch hình trụ, Đồng hồ bấm giây, Máy ép lọc áp suất thấp/nhiệt độ thường	- Nguyễn Công Tú; - Nguyễn Tấn Chương;	
167	Độ dày áo của sét	TCVN 11893:2017	- Cốc đựng có chia vạch hình trụ, Đồng hồ bấm giây, Máy ép lọc áp suất thấp/nhiệt độ thường	- Nguyễn Khắc Anh; - Huỳnh Văn Thắng.	
168	Độ pH	TCVN 11893:2017	- Thiết bị đo pH		
169	Độ ổn định	TCVN 11893:2017	- Ống đong 1000 mL, Dụng cụ cân tỷ trọng		
170	Lực cắt tĩnh	TCVN 11893:2017	- Bộ dụng cụ Shearometer, Đồng hồ bấm giây		
XVIII	ĐẤT SÉT ĐỂ SẢN XUẤT GẠCH NGÓI - THỬ CƠ LÝ				
171	Xác định độ ẩm tạo hình	TCVN 4345:1986	- Khuôn hình trụ cao 50mm, đường kính trong 35mm, Tủ sấy	- Nguyễn Trung Nghĩa; - Tạ Xuân Duy;	
172	Xác định độ nhậy khi sấy	TCVN 4345:1986	- Khuôn kim loại	- Nguyễn Hữu Vũ;	
173	Xác định độ	TCVN	- Lò nung điện, Khuôn kim	- Từ Thị Phương	

1/1
H
V
D
D

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Ghi chú
	co	4345:1986	loại	Liên;	
174	Xác định độ bền kéo	TCVN 4345:1986	- Máy kéo mẫu	- Nguyễn Đăng Hiếu.	
175	Xác định độ hút nước	TCVN 4345:1986	- Lò nung điện 1000 ⁰ C hay 1350 ⁰ C	- Nguyễn Công Tú;	
176	Xác định độ bền nén	TCVN 4345:1986	- Máy nén thủy lực	- Nguyễn Tấn Chương;	
177	Xác định độ dẻo	TCVN 4345:1986	- Côn tiêu chuẩn	- Nguyễn Khắc Anh;	
178	Xác định thành phần hạt	TCVN 4345:1986	- Bộ sàng tiêu chuẩn	- Huỳnh Văn Thắng.	
XIX	ĐÁT GIA CỐ BẰNG CHẤT KẾT DÍNH				
179	Xác định đàn nén chặt	22TCN 59-1984			
180	Xác định cường độ kháng ép	22TCN 59-1984			
181	Xác định môđun đàn hồi	22TCN 59-1984		- Nguyễn Trung Nghĩa;	
182	Xác định độ ổn định nước sau 5 chu kỳ bão hòa - sấy	22TCN 59-1984		- Tạ Xuân Duy;	
183	Xác định cường độ kháng kéo	22TCN 59-1984		- Nguyễn Hữu Vũ;	
184	Xác định môđun đàn hồi của VL đã gia cố chất kết dính vô cơ	22TCN 72-1984		- Từ Thị Phương Liên;	
185	XĐ cường độ ép chẻ của VL hạt liên kết bằng các chất kết dính	TCVN 8862:2011		- Nguyễn Đăng Hiếu.	
186	Thành phần cấp phối hạt của vật liệu	22TCN 57-1984		- Nguyễn Công Tú;	
			- Cối đầm mẫu; Dụng cụ hút chân không; Thùng; Bình giữ ẩm có dung tích lớn; Máy nén lún; Tủ sấy; Tấm đệm và bàn nén.	- Nguyễn Tấn Chương;	
				- Nguyễn Khắc Anh;	
				- Huỳnh Văn Thắng.	

3. Thông tin Trạm thí nghiệm hiện trường: Không

4. Thông tin về máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm tại Phòng Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng/Trạm thí nghiệm hiện trường:

TT	Tên Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Hồ sơ về nguồn gốc, xuất xứ	Hồ sơ về chứng nhận, kiểm định đảm bảo điều kiện hoạt động	Địa điểm đặt máy móc thiết bị
1	Cân điện tử R21PE6	OHAUS – Mỹ	AKT.25.007	Phòng TN khu vực phía Bắc
2	Cân kỹ thuật ST-6200CE	Shinko - Nhật Bản	AKT.25.006	Phòng TN khu vực phía Bắc
3	Cân điện tử VIBRA TPS30	Nhật Bản	AKT.25.008	Phòng TN khu vực phía Bắc
4	Búa thử bê tông C380/AI/1023 (Súng bật nảy)	MATEST	AKT.25.009	Phòng TN khu vực phía Bắc
5	Máy siêu âm bê tông N034	Italy	AKT.25.005	Phòng TN khu vực phía Bắc
6	Máy thử nén TYA-300	Trung Quốc	AKT.25.012	Phòng TN khu vực phía Bắc
7	Máy thử nén TYA-2000	Trung Quốc	AKT.25.011	Phòng TN khu vực phía Bắc
8	Máy thử kéo – nén - uốn WA-1000B	Hãng New Luda - Trung Quốc	AKT.25.010	Phòng TN khu vực phía Bắc
9	Bộ kích thủy lực và đồng hồ áp suất	Trung Quốc	AKT.25.004	Phòng TN khu vực phía Bắc
10	Máy toàn đạc điện tử LEICA TC708	Thụy Sĩ	2025/07-20	Tại trụ sở 224 đường 23 tháng 10
11	Máy trộn vữa xi măng tiêu chuẩn model JJ-5	Trung Quốc		Phòng TN khu vực phía Bắc
12	Máy trộn bê tông nhỏ dung tích 200l	Việt Nam		Phòng TN khu vực phía Bắc
13	Máy dẫn vữa xi măng tiêu chuẩn model ZS-15	Trung Quốc		Phòng TN khu vực phía Bắc
14	Bộ dụng cụ Vica	Trung Quốc		Phòng TN khu



TT	Tên Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Hồ sơ về nguồn gốc, xuất xứ	Hồ sơ về chứng nhận, kiểm định đảm bảo điều kiện hoạt động	Địa điểm đặt máy móc thiết bị
				vực phía Bắc
15	Sàng đường kính 200mm (bộ sàng mắt vuông + đáy nắp)	Trung Quốc		Phòng TN khu vực phía Bắc
16	Khuôn mẫu xi măng, khuôn kép 3 kích thước 40x40x160mm	Việt Nam		Phòng TN khu vực phía Bắc
17	Sàng đường kính 200mm (bộ sàng mắt vuông 0.09; 0.075mm)	Trung Quốc		Phòng TN khu vực phía Bắc
18	Máy khoan lấy lõi DCA model Z1Z-FF02-200	Trung Quốc		Phòng TN khu vực phía Bắc
19	Tủ sấy 300 ⁰ C model 101-2 dung tích 136l	Trung Quốc		Phòng TN khu vực phía Bắc
20	Máy khoan lấy lõi KH-30	Trung Quốc		Phòng TN khu vực phía Bắc
21	Khuôn bê tông trụ 15x30cm (18 cái)	Việt Nam		Phòng TN khu vực phía Bắc
22	Khuôn bê tông 15x15cm (4 cái)	Việt Nam		Phòng TN khu vực phía Bắc
23	Thước lá kim loại 1m (1 cái)	Việt Nam		Phòng TN khu vực phía Bắc
24	Bình đong định mức 1000ml (05 cái)	Việt Nam		Phòng TN khu vực phía Bắc
25	Bình đong định mức 500ml (01 cái)	Việt Nam		Phòng TN khu vực phía Bắc
26	Bình đong định mức 250ml (02 cái)	Việt Nam		Phòng TN khu vực phía Bắc
27	Bình đong định mức 100ml (02 cái)	Việt Nam		Phòng TN khu vực phía Bắc
28	Bình đong định mức 50ml (02 cái)	Việt Nam		Phòng TN khu vực phía Bắc
29	Bình phễu thí nghiệm định mức 250ml (bộ 10 cái)	Việt Nam		Phòng TN khu vực phía Bắc
30	Ổng đong định mức 250ml	Việt Nam		Phòng TN khu vực phía Bắc

TT	Tên Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Hồ sơ về nguồn gốc, xuất xứ	Hồ sơ về chứng nhận, kiểm định đảm bảo điều kiện hoạt động	Địa điểm đặt máy móc thiết bị
31	Côn thử độ sụt bê tông	Việt Nam		Phòng TN khu vực phía Bắc
32	Chậu inox rửa cốt liệu hàm lượng bùn, bụi sét	Việt Nam		Phòng TN khu vực phía Bắc
33	Dao gạt mẫu xi măng	Việt Nam		Phòng TN khu vực phía Bắc
34	Mũi khoan bê tông	Việt Nam		Phòng TN khu vực phía Bắc
33	Máy mài bê tông cầm tay	Trung Quốc		Phòng TN khu vực phía Bắc
34	Máy khoan cầm tay	Trung Quốc		Phòng TN khu vực phía Bắc
35	Máy cắt bê tông	Trung Quốc		Phòng TN khu vực phía Bắc
36	Khay inox đựng mẫu cốt liệu	Việt Nam		Phòng TN khu vực phía Bắc
37	Cốc inox đựng mẫu cốt liệu	Việt Nam		Phòng TN khu vực phía Bắc
38	Ca đong nước có chia vạch 1000ml	Việt Nam		Phòng TN khu vực phía Bắc
39	Thước kẹp	Việt Nam		Phòng TN khu vực phía Bắc
40	Máy phát điện	Trung Quốc		Phòng TN khu vực phía Bắc
41	Bộ đo K, đo E ngoài hiện trường	Trung Quốc		Phòng TN khu vực phía Bắc
42	Thiết bị thử cường độ bê tông TYE-2000	Trung Quốc	02.071.25	Phòng TN khu vực phía Nam
43	Máy siêu âm bê tông	2011		Phòng TN khu vực phía Nam
44	Thiết bị thử nén tĩnh cọc	2011		Phòng TN khu vực phía Nam
45	Cân thủy tĩnh điện tử	2011		Phòng TN khu vực phía Nam
46	Máy thử kéo nén uốn thép WE-1000B	Trung Quốc	01.071.25	Phòng TN khu vực phía Nam

NH
AM
I VÀ
DỰA
A
CP

TT	Tên Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Hồ sơ về nguồn gốc, xuất xứ	Hồ sơ về chứng nhận, kiểm định đảm bảo điều kiện hoạt động	Địa điểm đặt máy móc thiết bị
47	Máy thử nén TYE-300	Trung Quốc	03.071.25	Phòng TN khu vực phía Nam
48	Máy dẫn tạo mẫu xi măng	Matest-Italy	10.071.25	Phòng TN khu vực phía Nam
49	Thiết bị dẫn vữa	2010		Phòng TN khu vực phía Nam
50	Máy trộn vữa xi măng	Matest-Italy	11.071.25	Phòng TN khu vực phía Nam
51	Máy đo kinh vĩ bán điện tử	2005		Phòng TN khu vực phía Nam
52	Máy kéo nén vạn năng	1998		Phòng TN khu vực phía Nam
53	Thiết bị định vị cốt thép	1995		Phòng TN khu vực phía Nam
54	Máy xác định hàm lượng Paraphin	2011		Phòng TN khu vực phía Nam
55	Đồng hồ đo chuyển vị (bộ 05 cái)	Mitutoyo	Từ 15.071.25 đến 19.071.25	Phòng TN khu vực phía Nam
56	Thiết bị đo kim lúc nhựa đường LZY-50	Trung Quốc	13.071.25	Phòng TN khu vực phía Nam
57	Kim vica xi măng	Matest-Italy	09.071.25	Phòng TN khu vực phía Nam
58	Thiết bị thử độ dẫn dài nhựa SLY-1.5	Trung Quốc	26.071.25	Phòng TN khu vực phía Nam
59	Bể ổn nhiệt DHC-57	Trung Quốc	04.071.25	Phòng TN khu vực phía Nam
60	Tủ sấy 101-1	Trung Quốc	24.071.25	Phòng TN khu vực phía Nam
61	Cân đĩa điện tử BC-15	OHAUS-USA	07.071.25	Phòng TN khu vực phía Nam
62	Cân đĩa điện tử ALC-15A	SHINKO-Nhật	05.071.25	Phòng TN khu vực phía Nam
63	Cân đĩa điện tử GF-6100	Nhật	06.071.25	Phòng TN khu vực phía Nam
64	Cần đo võng Benkenlman	Việt Nam	12.071.25	Phòng TN khu vực phía Nam
65	Kích thủy lực	Việt Nam	22.071.25; 23.071.25	Phòng TN khu vực phía Nam

TT	Tên Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Hồ sơ về nguồn gốc, xuất xứ	Hồ sơ về chứng nhận, kiểm định đảm bảo điều kiện hoạt động	Địa điểm đặt máy móc thiết bị
66	Vòng đo lực máy nén Marshall	Trung Quốc	08.071.25	Phòng TN khu vực phía Nam
67	Máy nén CBR	Trung Quốc	14.071.25	Phòng TN khu vực phía Nam
68	Súng bột nẩy	PROCEQ-Thuy Sĩ	20.071.25	Phòng TN khu vực phía Nam
69	Súng bột nẩy	MATEST	21.071.25	Phòng TN khu vực phía Nam
70	Tủ sấy LBH-1	Trung Quốc	25.071.25	Phòng TN khu vực phía Nam
71	Thước lá kim loại 50cm	Việt Nam		Phòng TN khu vực phía Nam
72	Máy khoan	Việt Nam		Phòng TN khu vực phía Nam
73	Máy phát điện	Việt Nam		Phòng TN khu vực phía Nam
74	Cối chà	Việt Nam		Phòng TN khu vực phía Nam
75	Khuôn bê tông 15x15x15	Việt Nam		Phòng TN khu vực phía Nam
76	Khuôn vữa 4x4x16cm	Việt Nam		Phòng TN khu vực phía Nam
77	Khuôn bê tông 20x20x20cm	Việt Nam		Phòng TN khu vực phía Nam
78	Khuôn bê tông trụ 15x30cm	Việt Nam		Phòng TN khu vực phía Nam
79	Kích tháo mẫu	Việt Nam		Phòng TN khu vực phía Nam
80	Máy sàng cốt liệu	Việt Nam		Phòng TN khu vực phía Nam
81	Bộ sàng đá	Việt Nam		Phòng TN khu vực phía Nam
82	Bộ sàng cát	Việt Nam		Phòng TN khu vực phía Nam
83	Phễu rót đá dăm	Việt Nam		Phòng TN khu vực phía Nam
84	Côn thử độ sụt bê tông	Việt Nam		Phòng TN khu vực phía Nam

TT	Tên Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Hồ sơ về nguồn gốc, xuất xứ	Hồ sơ về chứng nhận, kiểm định đảm bảo điều kiện hoạt động	Địa điểm đặt máy móc thiết bị
85	Phễu rót cát	Việt Nam		Phòng TN khu vực phía Nam
86	Dụng cụ Casagrande	Việt Nam		Phòng TN khu vực phía Nam
87	Đồng hồ bấm giây	Việt Nam		Phòng TN khu vực phía Nam
88	Bộ sàn bê tông nhựa	Việt Nam		Phòng TN khu vực phía Nam
89	Ống xi phong	Việt Nam		Phòng TN khu vực phía Nam
90	Bếp cách cát	Việt Nam		Phòng TN khu vực phía Nam
91	Rọ cân trong nước	Việt Nam		Phòng TN khu vực phía Nam
92	Máy mài cầm tay	Việt Nam		Phòng TN khu vực phía Nam
93	Khay đựng mẫu	Việt Nam		Phòng TN khu vực phía Nam
94	Mũi khoan	Việt Nam		Phòng TN khu vực phía Nam
95	Máy cưa mẫu bê tông	Việt Nam		Phòng TN khu vực phía Nam
96	Bộ dao đai	Việt Nam		Phòng TN khu vực phía Nam
97	Máy khoan bê tông	Việt Nam		Phòng TN khu vực phía Nam
98	Bộ dụng cụ xác định độ dính bám với đá	Việt Nam		Phòng TN khu vực phía Nam
99	Máy cắt thép	Việt Nam		Phòng TN khu vực phía Nam
100	Bình thủy tinh có nút 500ml	Việt Nam		Phòng TN khu vực phía Nam
101	Bình thủy tinh 100ml	Việt Nam		Phòng TN khu vực phía Nam
102	Bình thủy tinh 250ml	Việt Nam		Phòng TN khu vực phía Nam
103	Bình thủy tinh 1000ml	Việt Nam		Phòng TN khu vực phía Nam

19/11/2010 KH/11

TT	Tên Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Hồ sơ về nguồn gốc, xuất xứ	Hồ sơ về chứng nhận, kiểm định đảm bảo điều kiện hoạt động	Địa điểm đặt máy móc thiết bị
104	Bình phễu thủy tinh 500ml	Việt Nam		Phòng TN khu vực phía Nam
105	Bình định mức 500ml	Việt Nam		Phòng TN khu vực phía Nam
106	Bình định mức 1000ml	Việt Nam		Phòng TN khu vực phía Nam

5. Thông tin năng lực của Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm tại Phòng Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng/Trạm thí nghiệm hiện trường:

TT	Tên Thí nghiệm viên	Mã số định danh cá nhân	Hồ sơ về trình độ chuyên môn, chuyên ngành được đào tạo	Ghi chú
1	Trần Đình Phan	058077000153	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ sư Thủy lợi; - Chứng chỉ hành nghề Thiết kế công trình NN&PTNT; - Chứng chỉ Giám sát thi công xây dựng công trình; - Chứng chỉ khảo sát địa hình; - Chứng chỉ quản lý dự án; - Chứng nhận đào tạo thí nghiệm về Không phá hủy; - Chứng nhận đào tạo, Bồi dưỡng nghiệp vụ Quan trắc công trình xây dựng lĩnh vực Phi trắc địa công trình xây dựng; - Chứng nhận đào tạo, Bồi dưỡng nghiệp vụ Quan trắc công trình xây dựng lĩnh vực Trắc địa công trình xây dựng; - Chứng nhận Bồi dưỡng nghiệp vụ Kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình; - Chứng nhận “Hướng dẫn nghiệp vụ thi công và quản lý chất lượng xây dựng công trình nhà cao tầng”; - Chứng nhận Thí nghiệm viên chuyên ngành giao thông. - Chứng nhận chuyên ngành Quản lý phòng thí nghiệm. 	
2	Nguyễn Trung Nghĩa	058081000155	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ sư kỹ thuật công trình; - Chứng chỉ Giám sát thi công xây dựng công trình; - Chứng chỉ khảo sát địa hình; 	

TT	Tên Thí nghiệm viên	Mã số định danh cá nhân	Hồ sơ về trình độ chuyên môn, chuyên ngành được đào tạo	Ghi chú
			<ul style="list-style-type: none"> - Chứng chỉ quản lý dự án; - Chứng chỉ thí nghiệm viên vật liệu xây dựng. 	
3	Tạ Xuân Duy	054080007343	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ sư Địa chất; - Thạc sỹ Quản lý đô thị và công trình; - Chứng chỉ hành nghề địa chất công trình Hạng I; - Chứng chỉ hàng nghề Khảo sát địa hình Hạng I; - Chứng chỉ quản lý phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng. 	
4	Nguyễn Công Tú	058085000211	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ sư xây dựng DD&CN; - Chứng nhận Bồi dưỡng đào tạo thí nghiệm về Không phá hủy; - Chứng nhận Bồi dưỡng nghiệp vụ Kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình; - Chứng nhận chuyên ngành Thí nghiệm viên Vật liệu xây dựng. 	
5	Nguyễn Hữu Vũ	056083011114	<ul style="list-style-type: none"> - Trung cấp Xây dựng Cầu đường; - Chứng nhận đào tạo, Bồi dưỡng nghiệp vụ Quan trắc công trình xây dựng lĩnh vực Phi trắc địa công trình xây dựng; - Chứng nhận đào tạo, Bồi dưỡng nghiệp vụ Quan trắc công trình xây dựng lĩnh vực Trắc địa công trình xây dựng; - Chứng nhận Bồi dưỡng nghiệp vụ Kiểm định chất lượng công trình xây dựng; - Chứng nhận đào tạo thí nghiệm về kiểm tra chất lượng bê tông bằng phương pháp không phá hủy; - Chứng nhân đào tạo lại một số phép thử thông thường dành cho thí nghiệm viên; - Chứng nhận Bồi dưỡng nghiệp vụ Kiểm tra chất lượng bê tông và sức chịu tải của cọc khoan nhồi, cọc đúc sẵn; - Chứng nhận Bồi dưỡng nghiệp vụ Thử nghiệm thép xây dựng. 	
6	Nguyễn Khắc Anh	038083020931	<ul style="list-style-type: none"> - Cử nhân Kinh tế; - Chứng chỉ chuyên ngành Thí nghiệm viên Vật liệu xây dựng. 	

TT	Tên Thí nghiệm viên	Mã số định danh cá nhân	Hồ sơ về trình độ chuyên môn, chuyên ngành được đào tạo	Ghi chú
7	Nguyễn Tấn Chương	058083000177	- Kỹ sư Điện kỹ thuật; - Chứng chỉ hành nghề thiết kế Cơ - Điện công trình;	
8	Nguyễn Đăng Hiếu	058094000112	- Kỹ sư Thủy lợi; - Bồi dưỡng nghiệp vụ Thí nghiệm viên chuyên ngành xây dựng giao thông; - Chứng chỉ Thí nghiệm viên chuyên ngành giao thông.	
9	Từ Thị Phượng Liên	058179000132	- Bằng nghề Thí nghiệm kiểm định chất lượng đường ô tô;	
10	Huỳnh Văn Thắng	058089000186	- Trung cấp Xây dựng; - Chứng chỉ thí nghiệm viên “Thí nghiệm viên chuyên ngành xây dựng giao thông”.	
11	Nguyễn Thị Bích Thủy	056188010402	- Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán.	

Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định xây dựng Khánh Hòa chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin đã công bố ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGD TT;
- Lưu: VT, TN.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG THÍ
NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Ngô Võ Thiện Long